

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC LÂM SƠN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC LÂM SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0109747791

**3. Ngày thành lập:** 16/09/2021

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà số 5, Tổ dân phố Hoàng Liên 1, Phường Liên Mạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0917283456

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                    | Mã ngành |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn pháp luật, thuế, kế toán, tài chính, chứng khoán, hôn nhân có yếu tố nước ngoài); | 6619     |
| 2.  | Hoạt động tư vấn quản lý<br>(Không bao gồm tư vấn pháp luật, thuế, kế toán, tài chính, chứng khoán, hôn nhân có yếu tố nước ngoài)                                                           | 7020     |
| 3.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên                                                                                                                 | 7211     |
| 4.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ                                                                                                    | 7212     |
| 5.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược                                                                                                                  | 7213     |
| 6.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp                                                                                                              | 7214     |
| 7.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội                                                                                                                   | 7221     |
| 8.  | Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn                                                                                                                 | 7222     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |             |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Hoạt động của các tác giả sách khoa học và công nghệ; Hoạt động môi giới thương mại, sắp xếp có mục đích và bán ở mức nhỏ và trung bình, bao gồm cả thực hành chuyên môn, không kể môi giới bất động sản; Hoạt động môi giới bản quyền (sắp xếp cho việc mua và bán bản quyền);<br>- Hoạt động phiên dịch; Tư vấn về công nghệ khác; Hoạt động tư vấn khác trừ tư vấn kiến trúc, kỹ thuật và quản lý... | 7490        |
| 10. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hợp báo)<br>Chi tiết: Việc tổ chức, xúc tiến và/hoặc quản lý các sự kiện, như kinh doanh hoặc triển lãm, giới thiệu, hội nghị, có hoặc không có quản lý và cung cấp nhân viên đảm nhận những vấn đề tổ chức;                                                                                                                                                                                                                                    | 8230        |
| 11. | Giáo dục nhà trẻ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8511        |
| 12. | Giáo dục mẫu giáo                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8512        |
| 13. | Giáo dục tiểu học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8521        |
| 14. | Giáo dục trung học cơ sở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 8522(Chính) |
| 15. | Giáo dục trung học phổ thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8523        |
| 16. | Đào tạo sơ cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 8531        |
| 17. | Đào tạo trung cấp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 8532        |
| 18. | Đào tạo cao đẳng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 8533        |
| 19. | Đào tạo đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8541        |
| 20. | Đào tạo thạc sỹ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8542        |
| 21. | Đào tạo tiến sỹ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8543        |
| 22. | Giáo dục thể thao và giải trí<br>Chi tiết; Dạy các môn thể thao (ví dụ như bóng chày, bóng rổ, bóng đá, v.v...); Dạy thể thao, cắm trại; Hướng dẫn cổ vũ; Dạy thể dục; Dạy cưỡi ngựa; Dạy bơi; Huấn luyện viên, giáo viên và các hướng dẫn viên thể thao chuyên nghiệp; Dạy võ thuật; Dạy yoga;                                                                                                                                                                                                   | 8551        |
| 23. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật<br>Chi tiết: Dạy piano và dạy các môn âm nhạc khác; Dạy hội hoạ; Dạy nhảy; Dạy kịch; Dạy mỹ thuật; Dạy nghệ thuật biểu diễn; Dạy nhiếp ảnh (trừ hoạt động mang tính thương mại);                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 8552        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 24. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Dạy đọc nhanh; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính. | 8559 |
| 25. | Dịch vụ hỗ trợ giáo dục<br>Chi tiết:<br>- Tư vấn giáo dục;<br>- Dịch vụ tư vấn du học;                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 8560 |

**6. Vốn điều lệ:** 100.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 10.000.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                         | Loại cổ phần              | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ THỊ HỒNG LĨNH | Số 20, ngõ 16 Phan Văn Trường, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 5.000.000  | 50.000.000.000        | 50,000    | 012075784                                                                                   |         |
|     |                  |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0          | 0                     | 0,000     |                                                                                             |         |
|     |                  |                                                                                                | Tổng số                   | 5.000.000  | 50.000.000.000        | 50,000    |                                                                                             |         |

|   |                    |                                                                                                  |                           |           |                |        |              |
|---|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-----------|----------------|--------|--------------|
| 2 | NGUYỄN VŨ LÂM      | Nhà số 5, Tổ dân phố Hoàng Liên 1, Phường Liên Mạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 1.000.000 | 10.000.000.000 | 10,000 | 001090012269 |
|   |                    |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                  | Tổng số                   | 1.000.000 | 10.000.000.000 | 10,000 |              |
|   |                    |                                                                                                  |                           |           |                |        |              |
| 3 | NGUYỄN THỊ XUÂN LÝ | Nhà số 5, Tổ dân phố Hoàng Liên 1, Phường Liên Mạc, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 4.000.000 | 40.000.000.000 | 40,000 | 001158001027 |
|   |                    |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                  | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                  | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0         | 0              | 0,000  |              |
|   |                    |                                                                                                  | Tổng số                   | 4.000.000 | 40.000.000.000 | 40,000 |              |
|   |                    |                                                                                                  |                           |           |                |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VŨ THỊ HỒNG LĨNH**

Giới tính: *Nữ*

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: *06/02/1960*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *012075784*

Ngày cấp: *27/05/2010*

Nơi cấp: *Công an TP.Hà Nội*

Địa chỉ thường trú: *Số 20, ngõ 16 Phan Văn Trường, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 20, ngõ 16 Phan Văn Trường, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** *Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội*